

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 202/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2018

V/v: “*Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Quách Thị Tuyết Mai.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Tô Đình Trị.**

+ Ông **Nguyễn Công Phúc.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Quốc** - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trúc Mai** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngô Thị D, sinh năm 1993. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Trần Ngọc N, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 5, thôn 7, xã B, huyện T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị D và anh Trần Ngọc N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 21/7/2014. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ: Tổ 5, thôn 7, xã B, huyện T, Quảng Nam. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bản thân anh Nhiên ăn chơi, hay nhậu nhẹt. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

4/2017. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Ngọc N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn Trần Ngọc N:* Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh Trần Ngọc N không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình; cũng không đến Tòa án nhân dân huyện T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng của chị Ngô Thị D kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Anh Trần Ngọc N đã không chấp hành đúng pháp luật khi cố tình vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xử cho chị Ngô Thị D và anh Trần Ngọc N ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị D khai không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Ngô Thị D có mặt; Bị đơn là anh Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Trên cơ sở bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2014, Quyền số 01 ngày 21/7/2014 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thì chị Ngô Thị D và anh Trần Ngọc N có đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 7 năm 2014 tại UBND xã B, huyện T, hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, hiện nay anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 5, thôn 7, xã B, huyện T, Quảng Nam nên chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh N, đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T,

tỉnh Quảng Nam.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị D cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bản thân anh N ăn chơi, hay nhậu nhẹt. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017. Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử thì anh N cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với việc chị D xin ly hôn để thể hiện nguyện vọng được đoàn tụ, điều này thể hiện việc anh không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Mặt khác, việc Tòa án huyện T đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của chị Ngô Thị D và anh Trần Ngọc N để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc, nhưng qua xác minh thực tế vợ chồng anh chị đã ly thân một thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

{2} *Về con chung:* Chị D khai không có, HĐXX không xét.

{3} *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D khai không có tài sản chung và không có nợ chung, còn anh N không có ý kiến nên không đề cập giải quyết.

{4} *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí; Chị Ngô Thị D phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D về việc “Xin ly hôn” anh Trần Ngọc N. Xử cho chị Ngô Thị D và anh Trần Ngọc N ly hôn.

2. Về con chung: Không có, HĐXX không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, HĐXX không xét.

4. Về án phí: Buộc chị Ngô Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0020654 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- Cơ quan THADS huyện T
- Các đương sự
- Lưu HS

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Quách Thị Tuyết Mai

